TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **197**/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992;

Thường trú: số a đường b, phường An Đông, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1991;

Thường trú: Ấp A, xã Vĩnh Phước, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 8 năm 2025, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C cùng khai hai bên không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C chịu theo quy định.

Xét thấy bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C thực sự tự nguyện ly hôn, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung. Sự thỏa thuận trên là hoàn

toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận số 69, quyển số 07, đăng ký ngày 20/5/2014 tại Ủy ban nhân dân Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu).

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C cùng khai hai bên không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C cùng xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C cùng xác định không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn C chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005464 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND KV3, TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Lưu VP; Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Chi